

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 26 - 9 - 2019

“V/v Chia tài sản sau ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn.

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Hằng.

2. Bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2019/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03/2019/HNGĐ-ST, ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện KB bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 26/2019/QĐPT-DS, ngày 29 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; trú tại: Thôn NT, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Ông Thái Trung S; trú tại: Thôn TX, xã ET, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị T; trú tại: Thôn ĐL; xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Anh Thái Hữu H1; có mặt.

2. Anh Thái Hữu H1; trú tại: Thôn TH, xã EH, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Thái Trung S kết hôn với nhau vào năm 1995 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống bà H, ông S có 04 con chung gồm: Thái Đức D sinh năm 1996, Thái Thị Phương A, sinh năm 1998, Thái Mạnh H2, sinh năm 2000 và Thái Thị Quỳnh N1, sinh năm 2003. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên ông S đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện KN, tỉnh Đắk Lắk ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 27/2013/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2013 giải quyết về hôn nhân và con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Sau đó bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn, vụ án được Tòa án nhân dân huyện KN, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết và đưa ra xét xử, không đồng ý với bản án sơ thẩm bà H kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm và đã hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án. Trong quá trình giải quyết lại vụ án thì bà Nguyễn Thị H rút đơn khởi kiện, được Tòa án chấp nhận và ra quyết định đình chỉ. Tuy nhiên, ông S vẫn tiếp tục khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Sau khi xét xử bà H, ông S tiếp tục kháng cáo, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm và đã hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Trong quá trình giải quyết lại thì ngày 22/9/2015 bà H có đơn yêu cầu độc lập đối với thửa đất có diện tích 8.500 m² tại thôn ĐL, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk và chiếc xe tải BKS: 48L - 1251. (Bút lục: 435 - 439). Ngày 17/11/2017, Tòa án nhân dân huyện KN đã ra quyết định đình chỉ số 01/2017/QĐST -DS về việc đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Thái Trung S và yêu cầu độc lập của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh ET. Tuy nhiên, bà H chỉ rút một phần yêu cầu độc lập đối với chiếc xe tải BKS: 48L - 1251, còn thửa đất có diện tích 8.500 m² tại thôn ĐL, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk vẫn tiếp tục yêu cầu chia tài sản chung. Do đó bị đơn bà Nguyễn Thị H trở thành nguyên đơn, còn ông Thái Trung S trở thành bị đơn trong vụ án. (Bút lục 908)

Thửa đất đang tranh chấp thuộc thôn ĐL, xã CK, huyện KB nên bà H có làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện KN chuyển vụ án cho Tòa án nhân dân huyện KB giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi giá trị của thửa đất có diện tích 8.500 m², tài sản gắn liền với đất có 01 căn nhà xây cấp 4 và cây trồng trên đất hiện do bà Hoàng Thị T và ông Thái Hữu H1 đang quản lý sử dụng; Địa chỉ thửa đất tại thôn ĐL, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật, cụ thể bà H được hưởng

1/2 giá trị của thửa đất nói trên.

Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập vào ngày 20/5/2006 giữa, bà Nguyễn Thị H, ông Thái Trung S với bà Hoàng Thị T, ông Thái Hữu H1. Theo bà H thì không có việc chuyển nhượng mà là vợ chồng bà H, ông S cho bà T, ông H1 mượn để sử dụng, bà H thừa nhận chữ ký Nguyễn Thị H trong giấy tờ chuyển nhượng lập vào ngày 20/5/2006 là đúng, nhưng không có nội dung số tiền 85 triệu đồng và sổ chứng minh nhân dân của các bên là không có, do ông H1 viết thêm nên bà H không đồng ý với hợp đồng chuyển nhượng nói trên. Ngoài ra bà H không có chứng cứ nào khác thể hiện về việc cho ông H1, bà T mượn đất như đã trình bày.

Bị đơn ông Thái Trung S trình bày:

Về quá trình giải quyết tranh chấp về phân chia tài sản chung sau khi ly hôn như bà H trình bày là đúng. Tuy nhiên, bà H yêu cầu phân chia tài sản đối với thửa đất có diện tích 8.500 m² và tài sản trên đất tại thôn ĐL, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk là không đúng. Vì vào ngày 20/5/2006, ông S và bà H đã chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị T, ông Thái Hữu H1 toàn bộ thửa đất nói trên, và lấy số tiền đó để sang xã ET, huyện KN lập nghiệp, lúc chuyển nhượng trên đất có trồng cây cà phê và một căn nhà ván tạm, giá hai bên thỏa thuận là 85.000.000 đồng, ông H1 và bà T đã giao đủ số tiền cho ông S, bà H, hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và được UBND xã CK, huyện KB xác nhận vào năm 2013. Đất chuyển nhượng đã được UBND huyện KB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 751196 diện tích 8.500 m², cấp cho hộ ông Thái Trung S vào ngày 12/12/2002. Do tại thời điểm mua bán giấy CNQSDĐ đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh ET, huyện KN nên hai bên thống nhất, ông S, bà H trả nợ xong rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H1 và bà Hoàng Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Hữu H1 trình bày:

Ông H1 là em trai của ông Thái Trung S, vào ngày 20/5/2006, ông H1 và mẹ ông H1 là bà Hoàng Thị T có nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Thái Trung S, bà Nguyễn Thị H một lô đất rẫy tại thôn ĐL, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, có diện tích 8.500 m². Trong đó chuyển nhượng cho ông H1 3.500 m², bà Hoàng Thị T 5.000 m², trên đất có trồng cây cà phê và một căn nhà ván tạm, giá hai bên thỏa thuận là 85.000.000đ (Tám lăm triệu đồng), ông H1 và bà T đã giao đủ số tiền cho ông S, bà H, trong đó ông H1 35.000.000 triệu đồng, bà T 50.000.000 triệu đồng, hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và được UBND xã CK, huyện KB xác nhận vào năm 2013. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông H1 đã nhổ một phần cà phê để trồng tiêu và trồng cà phê. Đất hai bên chuyển nhượng đã được UBND huyện KB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 751196 diện tích 8.500 m², cấp cho hộ ông Thái Trung S vào ngày 12/12/2002. Tuy nhiên, do tại

thời điểm sang nhượng giấy CNQSDĐ đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh ET, huyện KN nên hai bên thống nhất khi ông S, bà H trả nợ xong rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để sang tên cho ông H1 và bà T. Ngày 24/8/2017, ông S, bà H có cam kết sẽ rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên để sang tên cho ông H1. Hiện nay khoản nợ Ngân hàng đã trả xong và Ngân hàng đang giữ lại giấy CNQSDĐ, đợi hai bên giải quyết tranh chấp xong mới giao trả lại.

Nay bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông H1 không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Vì việc chuyển nhượng nói trên là hoàn toàn đúng pháp luật, được UBND xã CK, huyện KB xác nhận, có chữ ký của ông S, bà H; ông S, bà H đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng, ông H1 và bà T đã xây dựng nhà kiên cố trên đất và trồng cây lâu năm trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T trình bày :

Bà T là mẹ đẻ của ông Thái Trung S, và ông Thái Hữu H1 vào ngày 20/5/2006, bà T và ông Thái Hữu H1 có nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Thái Trung S, bà Nguyễn Thị H một lô đất rẫy tại thôn ĐL, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, có diện tích 8.500 m², trong đó chuyển nhượng cho ông H1 3.500 m², và bà T 5.000 m² trên đất trồng cây cà phê và một căn nhà ván tạm, giá hai bên thỏa thuận là 85.000.000 đồng, bà T và ông H1 đã giao đủ số tiền cho ông S, bà H, trong đó ông H1 35.000.000 đồng, bà T 50.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã CK, huyện KB xác nhận. Sau khi nhận chuyển nhượng thì bà T đã nhổ một phần cà phê để trồng tiêu và có xây dựng căn nhà xây cấp 4 vào năm 2009. Đất hai bên chuyển nhượng đã được UBND huyện KB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 751196 diện tích 8.500 m², cấp cho hộ ông Thái Trung S vào ngày 12/12/2002. Tuy nhiên, do tại thời điểm sang nhượng giấy CNQSDĐ đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh ET, huyện KN nên hai bên thống nhất, ông S, bà H trả nợ xong rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về để sang tên cho bà Hoàng Thị T.

Nay bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà T không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Vì vào năm 2006 ông Thái Trung S, bà Nguyễn Thị H đã chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị T, việc chuyển nhượng nói trên là hoàn toàn đúng pháp luật và được UBND xã CK, huyện KB xác nhận, ông S, bà H đã nhận đủ số tiền chuyển nhượng, bà T đã xây dựng nhà kiên cố trên đất và trồng cây lâu năm trên đất. Ngoài ra, ngày 24/8/2017 ông S, bà H cũng có cam kết sẽ bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 04/7/2018, Hội đồng định giá tài sản đã xác định trị giá tài sản đang tranh chấp theo giá thị trường là bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất bà Hoàng Thị T đang sử dụng và giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ông Thái Hữu H1 đang sử dụng: 552.000.000đ + 420.000.000đ = 972.000.000đ

*** Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03/2019/HNGĐ-ST, ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện KB, đã quyết định:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm c, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 33, Điều 35, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với thửa đất có diện tích 8.500 m² tại thôn ĐL, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được UBND huyện KB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 751196 đứng tên hộ ông Thái Trung S vào ngày 12/12/2002

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/5/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia đôi tài sản chung sau khi ly hôn đối với thửa đất có diện tích 8.500 m² tại thôn ĐL, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, đồng thời kháng cáo về phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Bị đơn ông Thái Trung S và người có quyền lợi có nghĩa vụ liên quan ông Thái Hữu H1 và đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị T trình bày sau khi lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bà T là người giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông S, bà H mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay vốn làm ăn.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đơn kháng cáo của bà H còn trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

Xét kháng cáo của bà H:

Bà H yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn đối với thửa đất có diện tích 8.500m² tại thôn ĐL, xã CK, huyện KB, đã được UBND huyện KB cấp Giấy chứng nhận QSD đất số V751196 cho hộ ông Thái Trung S vào ngày 12/12/2002. Bà H kháng cáo cho rằng, chỉ cho bà T và ông H1 mượn đất để canh tác nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Do đó, kháng cáo của bà H đối với yêu cầu này không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Bà T, ông H1 từ khi sử dụng đất đã tạo lập một số tài sản mới so với tài sản trên đất trước đây. Cụ thể tại Biên bản xem xét thẩm định trên đất bà T có: Nhà xây cấp 4 năm 2008, sân phơi năm 2017, 94 trụ tiêu bê tông năm 2015, 190 cây cà phê trồng năm 2017. Tất cả tài sản theo định giá là 90.321.000đ; Trên đất của ông H1 có: 387 trụ tiêu trồng năm 2017, 20 cây sầu riêng trồng 2017 theo kết quả định giá là 39.153.900đ. Tổng cộng là 129.474.000đ. Như vậy, cấp sơ thẩm buộc bà H chịu án phí đối với giá trị của tổng các tài sản này là không đúng quy định pháp luật. Do đó, kháng cáo của bà H có căn cứ chấp nhận. Cần sửa một phần Bản án sơ thẩm về nghĩa vụ chịu án phí, bà H phải có nghĩa vụ chịu án phí với số tiền 17.313.150đ mới đúng quy định pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS năm 2015, đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.
- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST, ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện KB, tỉnh Đắk Lắk về phần án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 24/5/2019, nguyên đơn nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm. Bà H đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên đơn kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia đôi tài sản chung sau khi ly hôn đối với thửa đất có diện tích 8.500 m² tại thôn ĐL, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk:

Quá trình chung sống ông Thái Trung S, bà Nguyễn Thị H tạo lập được tài sản chung là thửa đất số V 751196 được UBND huyện KB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Thái Trung S vào ngày 12/12/2002, có diện tích 8.500m² tại thôn ĐL, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk là đúng thực tế. Ngày

20/5/2006, ông S và bà H đã ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà Hoàng Thị T, ông Thái Hữu H1 toàn bộ thửa đất nói trên, trong đó chuyển nhượng cho ông Thái Hữu H1 diện tích 3.500 m², bà Hoàng Thị T diện tích 5.000 m², hai bên có lập giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết tay và được UBND xã CK, huyện KB xác nhận vào năm 2013 (BL 625). Sau khi nhận chuyển nhượng, bà T, ông H1 đã tạo lập nhà kiên cố và trồng cây lâu năm không có ai phản đối. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H cũng thừa nhận chữ ký, chữ viết tại phần chủ hộ trong giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất là của bà H (BL 653), bà H cho rằng chỉ cho bà T, ông H1 mượn đất nhưng không có chứng cứ để chứng minh cho lời nói của mình. Do không chứng minh được diện tích đất 8.500m² tại thôn ĐL, xã CK, huyện KB hiện tại là tài sản chung của vợ chồng, nên yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của bà Nguyễn Thị H là không có cơ sở, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà H là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo về phần án phí:

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí có giá ngạch đối với phần giá trị tài sản không được chấp nhận yêu cầu (552.000.000 đồng + 420.000.000 đồng - 129.474.000 đồng): 2 = 421.263.000đồng. Như vậy, bà H phải chịu án phí sơ thẩm 20.850.520 đồng. Cấp sơ thẩm buộc bà H phải chịu 23.440.000đ tiền án phí là chưa chính xác.

[3] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ Chi phí giám định tuổi mực, giám định nội dung văn bản là 4.300.000 đồng và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tại Tòa án huyện KB là 4.000.000 đồng. Tổng cộng bà H phải chịu 8.300.000 đồng, bà H đã nộp đủ.

[4] Về án phí DSPT: Vì được chấp nhận một phần kháng cáo nên bà H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03/2019/HNGĐ-ST ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân huyện KB, tỉnh Đắk Lắk về phần án phí.

Áp dụng Điều 33, Điều 35, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với thửa đất có diện tích 8.500 m² tại thôn DL, xã CK, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, đất đã được UBND huyện KB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 751196 đứng tên hộ ông Thái Trung S vào ngày 12/12/2002.

[2]. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H phải chịu toàn bộ Chi phí giám định tuổi mực, giám định nội dung văn bản là 4.300.000 đồng và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.000.000 đồng. Tổng cộng bà H phải chịu 8.300.000 đồng (Tám triệu ba trăm nghìn đồng), bà H đã nộp đủ.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 20.850.520 đồng tiền án phí DSST, được khấu trừ số tiền 3.750.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/26827, ngày 01/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KN, tỉnh Đắk Lắk. Bà H còn phải nộp 17.100.520 đồng (Mười bảy triệu một trăm nghìn năm trăm hai mươi đồng) án phí DSST.

Hoàn trả cho ông Thái Trung S số tiền 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2010/0019889, ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KN, tỉnh Đắk Lắk.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà H số tiền 300.000 đồng mà bà H đã nộp tạm ứng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện KB theo biên lai số: AA/2017/0010157, ngày 27/5/2019.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THA huyện KB;
- TAND KB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Duy Thuấn